

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

1. Khoản 2, khoản 3 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Nguyên tắc khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013, Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng. Ngoài ra, còn được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

a) Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc cấp huyện hoặc ngành quản lý khi tiến hành sơ kết, tổng kết phát động thi đua theo chuyên đề;

b) Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm theo dõi, xem xét, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Về hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 12/2019/TT-BNV, cụ thể như sau:

a) Cơ quan có thẩm quyền căn cứ đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao và thành tích đạt được của tập thể, cá nhân để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức phù hợp;

b) Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được. Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn tặng hình thức, mức hạng nào thì xét, đề nghị cấp có thẩm quyền tặng thưởng hình thức, mức hạng đó, không đề nghị khen thưởng vượt mức hạng;

Đối với tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng lớn trong tỉnh thì đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

c) Trong 01 năm không đề nghị xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ khen thưởng đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến).”

2. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 7. Đăng ký tham gia thi đua**

1. Các cơ quan, đơn vị và địa phương phải phát động phong trào thi đua và tổ chức cho cá nhân, tập thể đăng ký giao ước thi đua phấn đấu thực hiện tốt các nội dung, chỉ tiêu thi đua đã đề ra.

2. Trưởng các Khối, Cụm thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập: Tổ chức ký kết giao ước thi đua, đăng ký phấn đấu hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua; các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng hàng năm cho các đơn vị thành viên trong Khối, Cụm.

3. Việc đăng ký tham gia thi đua và bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” được thực hiện như sau:

a) Đối với công nhân, đăng ký tham gia và bình xét danh hiệu từ xí nghiệp, phòng, phân xưởng, trung tâm thuộc doanh nghiệp;

b) Đối với nông dân, đăng ký tham gia và bình xét danh hiệu theo ấp, khu vực; cá nhân đề nghị danh hiệu “Lao động tiên tiến” phải được 70% đại diện hộ gia đình trong Tổ Nhân dân tự quản cùng cư trú tán thành;

c) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký tham gia và bình xét danh hiệu theo phân cấp quản lý.

4. Đối với phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động: Trên cơ sở kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua của huyện, thị xã, thành phố; sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh xây dựng, đăng ký các mục tiêu, chỉ tiêu thi đua, giải pháp thực hiện và kết quả phấn đấu đạt được các hình thức khen thưởng cụ thể, gửi tới Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp.

5. Thời gian đăng ký tham gia thi đua thực hiện nhiệm vụ được giao hàng năm của thành viên Cụm, Khối thi đua gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) và Trưởng Cụm, Khối thi đua theo Kế hoạch phát động phong trào thi đua yêu nước hàng năm của tỉnh, riêng ngành Giáo dục và Đào tạo đăng ký theo năm học chậm nhất ngày 15 tháng 10 hàng năm.

6. Đối với các phong trào thi đua chuyên đề do các ngành phát động: Trên cơ sở Kế hoạch của ngành có đầy đủ các nội dung gửi về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày triển khai Kế hoạch.”

3. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

## **“Điều 8. Hình thức tổ chức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua**

Hình thức tổ chức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Điều 4, Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 4, Điều 5 Thông tư số 12/2019/TT-BNV, cụ thể như sau:

1. Hình thức tổ chức thi đua bao gồm: Thi đua thường xuyên và thi đua theo đợt (chuyên đề).

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau;

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo Cụm, Khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các Cụm, Khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua;

b) Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) có phạm vi trong sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thời gian từ 03 năm trở lên phải gửi Kế hoạch Tổ chức phát động phong trào thi đua về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp.

Người đứng đầu sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền: Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) trong phạm vi tỉnh thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền; Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm, 05 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

Không khen thưởng cho các tập thể và cá nhân khi sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn...

Không khen thưởng phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) cho thành viên của Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức cấp tỉnh do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập. Thành tích của thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức cấp tỉnh được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được; trừ trường hợp có văn bản chỉ đạo, thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh.

Không khen thưởng nhân ngày thành lập, ngày kỷ niệm; đối với khen thưởng chuyên đề (theo đợt), chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của cấp phát động thi đua (giấy khen). Không xét đề nghị khen thưởng chuyên đề cho những hoạt động có thời gian ngắn hoặc không có quy chế thi đua cụ thể, không phát động thi đua; không xem xét khen thưởng cho các đối tượng thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xem xét, khen thưởng theo chuyên đề đối với những phong trào thi đua trong phạm vi sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thời gian phát động từ 03 năm trở lên, phong trào thi đua có tổng kết cấp tỉnh, có kế hoạch cụ thể về khen thưởng hoặc các phong trào thi đua do Trung ương phát động.

Đối với khen thưởng đột xuất, chỉ xem xét, khen thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng lớn trong toàn tỉnh hoặc khu vực; trường hợp khen thưởng theo sự chỉ đạo, thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh (kèm theo văn bản chỉ đạo).

Các trường hợp khen thưởng ngoài kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc do sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phát động từ 03 năm trở lên; khi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, cơ quan, đơn vị, địa phương phải có ý kiến bằng văn bản thống nhất về số lượng khen thưởng của Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) nhưng không quá 03 tập thể và 05 cá nhân.

## 2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua:

a) Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, dễ thực hiện; nội dung phải bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực;

b) Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết;

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua;

d) Chú trọng việc tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia và đảm bảo các điều kiện về tinh thần, vật chất cho tổ chức phong trào thi đua; đồng thời tăng cường kiểm tra theo dõi quá trình tổ chức thực hiện phong trào thi đua;

đ) Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, tác dụng, những tồn tại, hạn chế và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua; công khai lựa chọn, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc. Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để mọi người học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.”

## 4. Khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu (đối với cá nhân là Công an xã, thị trấn không thuộc lực lượng Công an chính quy, Ban bảo vệ dân phố).

Sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” do cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tình hình thực tiễn quy định cho phù hợp, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Khi xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương họp và bỏ phiếu kín; tỷ lệ phiếu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).”

5. Khoản 2 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phong trào thi đua theo Cụm, Khối xem xét, quyết định tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, dẫn đầu Cụm, Khối thi đua. Không ban hành Quyết định tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” đối với tập thể đủ tiêu chuẩn đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.”

6. Khoản 4 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

Cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn trước khi có thông báo nghỉ hưu.”

7. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

### **“Điều 18. Điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng**

1. Khi xét khen thưởng cần căn cứ vào thành tích của các tập thể, cá nhân gắn liền với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công tác được giao, thành tích phải được căn cứ từ hiệu quả trong lao động, sản xuất, kinh doanh, trong nghiên cứu, trong công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, rèn luyện và học tập; hoặc có những sáng kiến, phát minh, đề tài, tác phẩm, áp dụng những kinh nghiệm mang lại hiệu quả cao.

Khi xét, đề nghị khen thưởng phải lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong các tập thể, cá nhân đủ điều kiện khen thưởng. Chú trọng khen thưởng cho người lao động, người trực tiếp thực hiện đạt thành tích xuất sắc; hạn chế khen thưởng cho lãnh đạo, người chỉ đạo thực hiện.

2. Thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao; không nhất thiết phải tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không nhất thiết đề nghị lần khen sau phải cao hơn lần trước.

3. Hình thức, mức hạng khen thưởng phải phù hợp với thành tích đạt được. Quan tâm khen thưởng cá nhân, tập thể từ yếu kém, phấn đấu trở thành điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, học tập, công tác.

4. Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng và thành tích làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

5. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

6. Tặng, truy tặng “Huân chương Độc lập”, “Huân chương Lao động” các hạng (có quá trình cống hiến), tôn vinh các danh hiệu vinh dự Nhà nước: Danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, Danh hiệu Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sĩ, Nghệ nhân cho cá nhân phải đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 36, 37, 38, 42, 43, 44, 59, 60, 61, 62, 63, 64 và Điều 65 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 16, 17, 18, 22, 23, 24 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

7. Khi đề nghị khen thưởng đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể thì tổ chức Đảng, đoàn thể phải được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

8. Thời gian xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc ngành giáo dục đào tạo (Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố) được xét sau khi kết thúc năm học.”



8. Khoản 3 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” hoặc có 03 lần được tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.”

9. Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 25. Khen thưởng quá trình công hiến và quy định chức danh tương đương để xét khen thưởng**

Thực hiện theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và khoản 1 Điều 10 Thông tư số 12/2019/TT-BNV.”

10. Khoản 5 và khoản 8 Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Đối với những cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân là Thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

Khen thưởng đối với doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 12/2019/TT-BNV.

8. Trước khi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh họp xét hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp trên khen thưởng các hình thức khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” sẽ lấy ý kiến của Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Nội vụ và Báo Hậu Giang ít nhất 15 ngày làm việc.

Việc lấy ý kiến của Nhân dân trên phương tiện thông tin và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước khi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp trên khen thưởng.”

11. Khoản 1 Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Đề nghị khen thưởng tổng kết thành tích hàng năm hoặc năm học:

a) Hồ sơ, thủ tục:

Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

Các giấy tờ khác có liên quan đến danh hiệu thi đua hay hình thức khen thưởng của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (nếu có).

b) Số lượng báo cáo thành tích:

Danh hiệu Anh hùng Lao động: 03 bộ (bản chính).

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: 02 bộ (bản chính).

Huân chương các loại: 03 bộ (bản chính).

Trường hợp khen thưởng cấp Nhà nước đối với sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố hoặc Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh 04 bộ (bản chính).

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hậu Giang”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”: 01 bộ (bản chính).

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Trong báo cáo phải thể hiện đủ các nội dung theo các mẫu của Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của cấp có thẩm quyền; số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.”

12. Khoản 2 Điều 37 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm giúp Người đứng đầu quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng đối với thành tích của tập thể, cá nhân để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.”

13. Khoản 1 Điều 43 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.”

**Điều 2.** Bãi bỏ khoản 2 Điều 13 Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày      tháng      năm 2020.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- VP. Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Nội vụ;
- Ban TĐKT Trung ương (HN - TP. HCM);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy và các Ban Đảng;
- VP: Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH.KM

D:\2020\1224\QĐPQ\Đieu chinh BS QĐ021 Thi đua khen thưởng

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Tiến Châu**